

Số: 1230 /QĐ-BDT

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ
trong hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Ban Dân tộc, Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Chính sách Dân tộc, công chức, người lao động của Ban Dân tộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c);
- Trưởng ban và các Phó Trưởng ban;
- Cấp ủy Chi bộ;
- Công đoàn Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu VT, Thủy.

TRƯỞNG BAN

Hồ Ngọc Thịnh

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-BDT ngày 14/11/2023
của Trưởng ban Dân tộc tỉnh)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm:

a) Dân chủ trong nội bộ Ban Dân tộc: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan và công chức, người lao động trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động nội bộ cơ quan; những việc phải công khai để công chức, người lao động biết; những việc công chức, người lao động tham gia ý kiến, quyết định; người đứng đầu cơ quan quyết định; những việc công chức, người lao động giám sát, kiểm tra.

b) Dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan và công chức, người lao động trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, tổ chức có liên quan; quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan với cơ quan, đơn vị cấp trên và các đơn vị cấp dưới.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Lãnh đạo, công chức và người lao động làm việc tại Ban Dân tộc.

Điều 2. Mục đích thực hiện dân chủ

1. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Ban Dân tộc nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc phát huy quyền làm chủ của công chức, người lao động và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan. Góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh và đội ngũ công chức, người lao động có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thực hành tiết kiệm; phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiến hà, sách nhiễu nhân dân.

2. Tạo điều kiện để công chức, người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của công chức, người lao động.

3. Tạo điều kiện để các tổ chức Công đoàn của cơ quan hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ của công chức, người lao động.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ

1. Phát huy quyền làm chủ của công chức, người lao động phải gắn với việc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ban, đặc biệt phát huy vai trò của người đứng đầu và tổ chức công đoàn trong cơ quan.

2. Dân chủ phải trên cơ sở tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định khác của cấp trên, nội quy, quy chế của cơ quan; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công chức, người lao động và quyền làm chủ của công dân, cản trở việc thi hành nhiệm vụ của cơ quan.

Chương II

DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN

Điều 4. Những nội dung phải công khai cho công chức, người lao động

1. Công khai chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan.

2. Công khai kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của cơ quan.

3. Công khai các khoản kinh phí hoạt động hằng năm theo quy định; số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tình hình thực hiện nhiệm vụ chi dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan.

4. Công khai tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng.

5. Công khai việc tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, quy hoạch, chuyển đổi vị trí công tác; hợp đồng làm việc, thay đổi vị trí việc làm, chấm dứt hợp đồng làm việc.

6. Kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong nội bộ cơ quan, đơn vị.
8. Nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, kế hoạch đào tạo hàng năm.
9. Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành về chuyên môn nghiệp vụ.
10. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng.
11. Những vấn đề phát sinh khác (nếu có).

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:
 - a) Niêm yết thông tin;
 - b) Thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan;
 - c) Thông báo tại hội nghị công chức, người lao động của cơ quan;
 - d) Thông báo bằng văn bản đến toàn thể công chức, người lao động tại cơ quan;
 - đ) Thông qua người phụ trách các bộ phận của cơ quan để thông báo đến, công chức, người lao động;
 - e) Thông báo bằng văn bản đến Chi bộ cơ quan, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan để thông báo đến công chức, người lao động tại cơ quan;
 - g) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.
2. Nội dung thông tin quy định tại Điều 4 của Quy chế này phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở cơ quan

1. Trưởng ban Dân tộc chỉ đạo Văn phòng tổ chức đăng tải các thông tin quy định tại Điều 4 của Quy chế này trên trang thông tin điện tử nội bộ ít nhất là 20 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu đăng tin hoặc tổ chức niêm yết các thông tin tại trụ sở của cơ quan kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp đã sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản đến toàn thể cán bộ, người lao động tại cơ quan, đơn vị hoặc pháp luật có quy định khác.
2. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung cần công khai, Trưởng ban có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai khác phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, bảo đảm để công chức và người lao động tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

3. Trường ban Dân tộc tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu của công chức, người lao động đối với những thông tin trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng mà người yêu cầu không thể tiếp cận được. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 7. Những nội dung công chức, người lao động bàn và quyết định

1. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân.
2. Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của công chức tại cơ quan ngoài các khoản đã được pháp luật quy định.
3. Nội dung nghị quyết hội nghị công chức, người lao động.
4. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

Điều 8. Những nội dung công chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi Trường ban Dân tộc quyết định

1. Giải pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.
2. Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan.
3. Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan.
4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan.
5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; các biện pháp cải cách hành chính, tổ chức bộ máy; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu Nhân dân.
6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, khen thưởng, kỷ luật
7. Thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của công chức, người lao động.
8. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ; quy chế chi tiêu nội bộ và các dự thảo nội quy, quy chế khác của cơ quan.
9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc Trường ban xét thấy cần thiết.

Điều 9. Hình thức công chức, người lao động tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, công chức, người lao động có thể tham gia ý kiến thông qua một hoặc một số hình thức sau đây:

1. Tham gia ý kiến trực tiếp với Trưởng ban hoặc thông qua người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị.
2. Thông qua hội nghị công chức, người lao động và các cuộc họp, hội nghị khác của cơ quan.
3. Thể hiện ý kiến qua phiếu lấy ý kiến trực tiếp hoặc dự thảo văn bản do cấp có thẩm quyền gửi;
4. Tham gia ý kiến qua hòm thư góp ý, hệ thống thông tin nội bộ hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan.
5. Thông qua Công đoàn và các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm trong việc tổ chức để công chức, người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể công chức, người lao động

1. Trưởng ban có trách nhiệm phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan thống nhất chủ trương, xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị công chức, người lao động hoặc tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến để công chức, người lao động bàn, quyết định các nội dung quy định tại Điều 49 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
2. Trưởng ban phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của hội nghị công chức, người lao động, quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan và các nội dung khác đã được công chức, người lao động thống nhất, quyết định; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.
3. Định kỳ 06 tháng một lần, Trưởng ban phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị công chức, người lao động; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể công chức, người lao động trong cơ quan.
4. Đảng viên, cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 của Quy chế này và nghiêm túc thực hiện các quyết định đã được tập thể thống nhất; trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể công chức, người lao động không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên, lãnh đạo cấp trên trực tiếp của cơ quan, hoặc cơ quan khác có thẩm quyền.

Điều 11. Nội dung công chức, người lao động kiểm tra, giám sát

1. Công chức, người lao động kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà tập thể công chức, người lao động đã bàn và quyết định quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

2. Công chức, người lao động giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người có thẩm quyền của cơ quan, hành vi hành chính của người thực thi công vụ, nhiệm vụ tại cơ quan.

Điều 12. Hình thức công chức, người lao động kiểm tra, giám sát

1. Công chức, người lao động trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động học tập, công tác, sinh hoạt của công chức, người lao động ở cơ quan;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người có chức vụ, quyền hạn, công chức, người lao động khác trong cơ quan;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của cơ quan hoặc người được giao quản lý, thực hiện các nội dung công chức, người lao động đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị công chức, người lao động.

2. Công chức, người lao động thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan.

Điều 13. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của công chức, người lao động

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, công chức, người lao động tham gia nhận xét, góp ý kiến về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người quản lý, phụ trách trực tiếp, những người có thẩm quyền khác tại cơ quan; tích cực tham gia ý kiến góp phần xây dựng nội bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công chức, người lao động có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến người đứng đầu cơ quan, đến tổ chức Công đoàn hoặc hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị thay mặt công chức, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để công chức, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Trưởng ban Dân tộc có trách nhiệm:

a) Phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, tính chất tổ chức, hoạt động và điều kiện thực tế của cơ quan, tạo điều kiện để công chức, người lao động kiểm tra, giám sát theo các nội dung đã được quy định ở Quy chế này;

b) Tạo lập cơ chế tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh của công chức, người lao động tại cơ quan; thực hiện việc đối thoại, giải trình với cán bộ, công chức, người lao động theo quy định của pháp luật; sử dụng nội dung nhận xét, góp ý của công chức, người lao động trong quá trình thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, người lao động tại cơ quan;

c) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công chức, người lao động, kiến nghị của Công đoàn; kịp thời báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở công chức, người lao động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

f) Tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công chức, người lao động theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Công chức, người lao động chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà mình đã kiến nghị, đề nghị.

Chương III

DÂN CHỦ TRONG QUAN HỆ VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 15. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức cấp trên

1. Lãnh đạo có trách nhiệm thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn và chấp hành các quyết định của cơ quan, tổ chức cấp trên, đồng thời phản ánh, kiến nghị những bất cập, vướng mắc khi thực thi nhiệm vụ.

2. Có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác lên cơ quan cấp trên theo quy định; đối với những vấn đề nảy sinh vượt quá khả năng giải quyết thì phải báo cáo kịp thời với cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo. Nội dung báo cáo lên cơ quan cấp trên phải trung thực, chính xác, kịp thời, đồng thời phải có những kiến nghị cụ thể.

Điều 16. Quan hệ với các Sở, ban, ngành

Quan hệ chặt chẽ và phối hợp với các Sở, ban, ngành để thường xuyên trao đổi thông tin, rà soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban.

1. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

2. Ký kết Quy chế phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến công tác dân tộc, chương trình, chính sách dân tộc.

Điều 17. Quan hệ với UBND cấp huyện

Thường xuyên phối hợp với UBND cấp huyện có đồng bào dân tộc thiểu số trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của ngành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện, bộ phận làm công tác dân tộc các huyện đồng bằng.

Điều 18. Quan hệ đối với cơ quan công tác dân tộc thuộc UBND cấp huyện

1. Ban Dân tộc có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ quan công tác dân tộc thuộc UBND cấp huyện về việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, chương trình, chính sách dân tộc ở địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan công tác dân tộc thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác dân tộc theo quy định và yêu cầu của Ban Dân tộc tỉnh; tham gia đầy đủ các hoạt động chung và tham dự các cuộc họp do Ban triệu tập đúng thành phần quy định.

Điều 19. Quan hệ giữa Trưởng ban với Chi bộ và Công đoàn trong cơ quan.

1. Đối với Chi bộ:

Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất, khi có yêu cầu, Trưởng ban báo cáo với Chi ủy, Chi bộ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác của Ban và tình thực Quy chế dân chủ, những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của Ban để Chi ủy hoặc Chi bộ thảo luận, cho ý kiến hoặc ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động thuộc Ban thực hiện.

Chi ủy, Chi bộ thường xuyên phản ánh với lãnh đạo Ban về ý kiến của đảng viên, công chức, người lao động về thực hiện nhiệm vụ và Quy chế dân chủ trong cơ quan.

2. Đối với Công đoàn cơ quan:

Trưởng ban phối hợp chặt chẽ với Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan thực hiện mọi quyền lợi hợp pháp đối với cán bộ, công chức, người lao động và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, người lao động cũng như chịu sự giám sát của Công đoàn theo quy định.

Điều 20. Quan hệ với công dân

1. Hình thức thông qua thư điện tử công vụ, số điện thoại của cơ quan đã được công khai; thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử cơ quan; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và tổng hợp các nội dung phản ánh của công dân liên quan đến cơ chế chính sách, cán bộ công chức, người lao động của Ban Dân tộc tỉnh.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 21. Trách nhiệm của Trưởng ban**

1. Chỉ đạo và kiểm tra công chức, người lao động trong việc giải quyết công việc của tổ chức và công dân, kịp thời có những biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật đối với những công chức, người lao động không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

2. Chỉ đạo công chức, người lao động có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này và là điều kiện bắt buộc trong việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tiêu chuẩn để bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

Điều 22. Trách nhiệm của công chức, người lao động

1. Công chức chỉ được phép tiếp nhận tài liệu và giải quyết công việc của công dân, tổ chức tại trụ sở làm việc của cơ quan; bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật thông tin về người khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Công chức có trách nhiệm giải quyết các công việc theo đúng thẩm quyền. Những việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, công chức, người lao động phải báo cáo với cấp trên. Công chức không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc.

3. Những công việc đã có thời hạn giải quyết theo quy định thì công chức, người lao động phải chấp hành đúng thời hạn đó. Trường hợp đòi hỏi phải có thời gian để nghiên cứu thì công chức, người lao động có trách nhiệm thông báo kịp thời cho công dân, tổ chức biết.

Điều 23. Trách nhiệm Công đoàn cơ quan

1. Phối hợp với Trưởng ban trong việc tổ chức, thực hiện Quy chế này và các quy định có liên quan khác về thực hiện dân chủ ở cơ sở của Ban.

2. Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức Công đoàn; dân chủ bàn bạc các chủ trương, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ cơ quan.

Điều 24. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân

Thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của công chức, người lao động, phát hiện

những vi phạm quy chế dân chủ trong cơ quan đề đề nghị Trưởng ban giải quyết.

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng phòng thuộc Ban

Trưởng các phòng chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này đến công chức, người lao động để biết và thực hiện đúng quy định.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, phát sinh, các phòng và công chức, người lao động kịp thời phản ánh với Thanh tra ban để tổng hợp báo cáo Trưởng ban xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.